TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN TỈNH SÓC TRĂNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/11/2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lâm Thị Tám;

- Bà Lý Thị Đào

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Ngô Thị Tiểu Loan, cán bộ Tòa án nhân dân huyện mỹ xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: ông Đoàn Văn Khải, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/8/2019. Về tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn, và tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 102/2019/QĐST- HNGĐ ngày 23/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị N. T. H. A., sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp Lương Văn Huỳnh, xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh P. V. N. , sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp Lương Văn Huỳnh, xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 02/8/2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn N. T. H. A. trình bày: Vào năm 2004, chị kết hôn với anh P. V. N. có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 25/4/2007.

Sau khi kết hôn, hai người sống chung với nhau tại ấp Lương Văn Huỳnh, xã Ngọc Tố huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình chung sống chị A. và anh N. sống hạnh phúc trong thời gian đầu và có hai người con chung tên P. K. B. (nữ) sinh ngày 31/01/2006 và P. T. Đ. (nam) sinh ngày 4/01/2016. Sau này, do cuộc sống chung không hạnh phúc, không đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cải, anh N. thường uống rượu và có hành vi bạo lực gia đình làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt dẫn đến mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng và từ đầu năm 2019 chị A. đã không còn sống chung với anh Nghiêm. Nay chị N. T. H. A. yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh P. V. N. .

Về con chung: P. K. B. (nữ) sinh ngày 31/01/2006 và P. T. Đ. (nam) sinh ngày 04/01/2016 hiện tại sinh sống với anh N. , chị A. đồng ý để anh N. được trực tiếp nuôi dưỡng các con. Chị A. không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N. T. H. A. không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Đối với bị đơn P. V. N. : Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng anh N. không có mặt tại nhà nên Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà N. T. M. là mẹ ruột của anh N. nhận thay và cam kết đã giao lại tận tay cho anh N. theo quy định của pháp luật. Anh N. không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi Tòa án. Theo thủ tục tố tụng, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia nhưng anh N. vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/9/2019 không có lý do. Tòa án tiếp tục thông báo phiên hòa giải, triệu tập hợp lệ bị đơn lần hai, để tham gia hòa giải nhưng anh N. vẫn vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 25/9/2019 không có lý do nên không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến thời điểm tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự và chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị N. T. H. A. được ly hôn với anh P. V. N. . Giao cho anh P. V. N. được trực tiếp nuôi dưỡng con chung P. K. B. (nữ) sinh ngày 31/01/2006 và P. T. Đ. (nam) sinh ngày 4/01/2016, chị N. T. H. A. không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của nguyên đơn N. T. H. A.. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, chị A. yêu cầu ly hôn với anh N. và giải quyết nuôi con chung. Quan hệ pháp luật nêu trên được điều chỉnh tại các Điều 51, 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn P. V. N. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối gì nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn P. V. N. .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/4/2007 theo đúng quy định. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh con mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn N. T. H. A. có kết hôn với bị đơn P. V. N. là sự thật, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, giữa chị N. T. H. A. và anh P. V. N. đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó thì bất đồng quan điểm anh N. thường xuyên uống rượu có hành vi bạo lực gia đình làm cho tình cảm không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến chị A. và anh N. không còn tiếp tục sống chung với nhau từ đầu năm 2019.

Tại phiên tòa, nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc.

Xét thấy, trong quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện không còn sống chung với nhau, cuộc sống vợ chồng mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó chứng tỏ rằng tình yêu giữa vợ chồng không còn nữa, mặc dù đang tồn tại quan hệ hôn nhân nhưng giữa chị A. và anh N. không có tình nghĩa vợ chồng. Những biểu hiện trên cho thấy, nguyên đơn và bị đơn không thể sống chung để cùng nhau xây dựng được gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn N. T. H. A. và bị đơn P. V. N. thật sự trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích nhận định như trên, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn N. T. H. A. đối với bị đơn P. V. N. là có cơ sở chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị N. T. H. A. được ly hôn với anh P. V. N. .

[3] Về con chung: Chị N. T. H. A. và anh P. V. N. có với nhau hai người con chung tên P. K. B. (nữ) sinh ngày 31/01/2006 và P. T. Đ. (nam) sinh ngày 4/01/2016 hiện đang sinh sống với anh P. V. N. . Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, chị N. T. H. A. không có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đồng ý giao cho anh P. V. N. được trực tiếp nuôi con.

Xét tại thời điểm xét xử P. K. B. đã trên 7 tuổi, có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha là P. V. N. . Nguyện vọng của em P. K. B. được thể hiện tại các biên bản ghi lời khai ngày 05/9/2019 và nguyện vọng đó là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc hay bị xúi giục. Hiện tại P. K. B. và P. T. Đ. vẫn đang sống với anh N. trong một thời gian dài cuộc sống hằng ngày của P. K. B. và P. T. Đ. vẫn ổn định, phát triển tốt về thể chất và tinh thần. tại phiên toà hôn nay chị A. cũng không có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng P. K. B. và Phạm Thành Đạt. Do đó, để đảm bảo cho cuộc sống của cháu P. K. B. và P. T. Đ. được ổn định, phát triển tốt về thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để giao P. K. B. và P. T. Đ. cho anh P. V. N. được tiếp tục nuôi dưỡng.

[4]Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị N. T. H. A. trình bày không đồng ý cấp dưỡng nuôi con; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, bị đơn P. V. N. không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có ý kiến yêu cầu nguyên đơn N. T. H. A. phải cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời tại biên bản ghi lời khai ngày 05/9/2019 của cháu P. K. B. cũng không yêu cầu mẹ ruột là chị N. T. H. A. cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn N. T. H. A. không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn N. T. H. A. phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm c Khoản 1 Điều 92, Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị N. T. H. A. được ly hôn với anh P. V. N. .

2/ Về con chung: Giao cho anh P. V. N. được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên P. K. B. (nữ) sinh ngày 31/01/2006 và P. T. Đ. (nam) sinh ngày 4/01/2016 chị N. T. H. A. không phải cấp dưỡng nuôi con.Trong thời gian anh P. V. N. nuôi con, không ai có quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: chị N. T. H. A. và anh P. V. N. không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn N. T. H. A. phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009058 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, chị N. T. H. A. đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với bị đơn thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận
-VKSND Huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự
- chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên
- Lưu hồ sơ vụ án
- UBND xã Ngọc Tố.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Toàn